

## KINH NGHIỆM QUẢN LÝ HỆ SINH THÁI NHÂN VĂN Ở VÙNG NGƯỜI BRU-VÂN KIỀU XÃ XUÂN LỘC, HUYỆN PHÚ LỘC TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

NGUYỄN XUÂN HỒNG

**X**ã Xuân Lộc huyện Phú Thọ, tỉnh Thừa Thiên Huế ngoài bộ phận người Kinh (Việt) mới chuyển cư từ vùng thấp như Lộc An, Vinh Hưng, Lộc Sơn...lên sau 1975; còn có người Bru-Vân Kiều từ Quảng Trị chuyển cư vào 1983. Hiện nay người Vân Kiều ở xã Xuân Lộc có 515 người với 91 hộ gia đình, cư trú tập trung tại tập đoàn 3. Người Vân Kiều ở Xuân Lộc là một phần trong tổng số hơn 31.000 người Vân Kiều ở nước ta. Kể từ khi vào định cư ở Xuân Lộc đến nay (1983-1999), người Vân Kiều đã bỏ ra nhiều công sức để biến đất rừng thành đất canh tác nương rẫy. Và như một tất yếu có tính qui luật, trong gần 17 năm qua diện tích rừng ở đây đã bị tàn phá nặng nề. Trong những năm tới nhờ được đầu tư, nhờ việc thực hiện chính sách ĐCĐC, chủ trương trồng rừng hay ảnh hưởng tích cực của các dự án...việc đốt rừng sẽ chững lại và giảm xuống nhưng không phải thế mà hệ sinh thái tự nhiên ở đây sẽ sớm trở nên bền vững. Để hồi phục và quản lý tốt nguồn tài nguyên thiên nhiên đang bị khai thác tới mức cạn kiệt ở xã Xuân Lộc, chúng ta cần có một cách thức quản lý con người thích hợp đối với cộng đồng Vân Kiều - một cộng đồng mà trong văn hoá còn tồn tại nhiều truyền thống cũ, trong thiết chế xã hội có nhiều điểm khác biệt với người Kinh. Qua nhiều lần trao đổi, hỏi ý kiến của người dân ở bản Vân Kiều (ông Hồ Sơn - già làng nay đã mất, Hồ Biên, Hồ Phai, Hồ Do, Hồ Vĩ, Hồ Miên, Hồ Cầm, Hồ Du...) hầu hết cả đều cho rằng: muốn quản lý hệ sinh thái nhân văn có hiệu quả trong vùng các dân tộc ít người cần phải giải quyết tốt các vấn đề sau đây:

### I. Kết hợp quản lý nhà nước và quản lý truyền thống trong vùng người Vân Kiều

1. Chúng ta biết rằng: năm 1983 nghe theo lời già Sơn (nguyên là bộ đội chống Mĩ, trước 1975 có hoạt động ở địa bàn Phú Lộc) một số hộ gia đình Vân Kiều ở vùng Mò ó, Ba Lòng tỉnh Quảng Trị đã rời bỏ quê hương lâu đời của mình vào Xuân Lộc làm ăn sinh sống. Những năm sau đó số lượng người Vân Kiều từ Quảng Trị, Quảng Bình vào đây ngày một đông hơn. Có nhiều lý do vì vùng đất này còn rộng, màu mỡ, chưa được khai phá... Có nhiều hiện tượng di cư trên của người Vân Kiều là hiện tượng di cư tự phát không thuộc kế hoạch của nhà nước Việt Nam. Những năm mới đến số người Vân Kiều này do huyện Hương Phú quản lý. Mãi đến năm 1991 họ mới được sáp nhập vào xã Xuân Lộc huyện Phú Lộc. Kể từ khi phiên chế vào xã Xuân Lộc, hệ thống quản lý hành chính, quản lý Nhà nước ở bản Vân Kiều bao gồm: Tổ chức Đảng (có 8 đảng viên sinh hoạt trong tổ đảng Vân Kiều trực thuộc chi bộ xã Xuân Lộc)

- Tổ chức tập đoàn sản xuất (tập đoàn 3 gồm có 3 đội sản xuất, với ban điều hành gồm 1 tập đoàn trưởng, uỷ viên thư ký và 3 đội trưởng).

- Ngoài ra còn có Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, tổ chức đoàn thanh niên.

Các tổ chức trên đây đều chịu sự chỉ đạo, lãnh đạo trực tiếp của chi bộ và chính quyền xã. Chi bộ Đảng, Uỷ ban nhân dân xã Xuân Lộc thông qua các tổ chức này thực hiện các chủ trương chính sách đối với người dân. Các thành viên chủ chốt của các tổ chức trên dù ít dù nhiều đều nhận được những khoảng phụ cấp lương nhất định. Chính nhờ thế họ đã có những đóng góp hữu ích tạo nên thế ổn định của cộng đồng.

2. Tuy nhiên ngoài hình thức quản lý Nhà nước nói trên ở bản Vân Kiều còn bảo lưu tồn tại một hình thức quản lý khá độc đáo khác, phản ánh bản sắc tộc người đó là quản lý truyền thống ( quản lý bằng tập quán pháp). Quản lý truyền thống của người Vân Kiều thể hiện trên các khía cạnh:

- Tổ chức bản làng (vel, val).

- Đề cao vai trò già làng, dòng họ.

- Dù không ghi thành văn bản nhưng luật tục của bản làng được mọi người dân trong cộng đồng thực hiện nghiêm chỉnh.

Hình thức quản lý truyền thống này xuất hiện khá sớm trong xã hội người Vân Kiều. Qua những biến động thăng trầm của lịch sử, hình thức quản lý truyền thống vẫn tồn tại và thể hiện tính ưu việt của nó. Có thể nói cho đến hiện nay đây vẫn là hình thức quản lý có hiệu quả trong cộng đồng người Vân Kiều.

3. Như vậy hiện nay ở người Vân Kiều có hai bộ máy quản lý song song tồn tại:

- Bộ máy chính quyền cơ sở vận hành theo hiến pháp, pháp luật của nhà nước.

- Bộ máy tự quản bản làng vận hành theo những luật tục vốn có từ xưa.

Bộ máy này có những tiếng nói riêng, có những ảnh hưởng tích cực khác nhau đến đời sống của cộng đồng Vân Kiều. Yêu cầu đặt ra hiện nay là phải biết kết hợp tiếng nói của bộ máy chính quyền cơ sở với bộ máy tự quản làng thành một tiếng nói chung trong xây dựng cuộc sống mới.

Chúng tôi cho rằng chủ trương phục hồi và phát huy vai trò của già làng, trưởng bản trong thời gian qua của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với vùng đồng bào thiểu số là một chủ trương hết sức sáng suốt, mang lại nhiều hiệu quả. Tuy vậy, chúng ta cũng cần phải gấp rút kiện toàn lại tổ chức Đảng cơ sở, nâng cao vai trò và tạo điều kiện cho các hội: Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, tổ chức Đoàn địa phương đi vào hoạt động nề nếp. Làm được điều đó có nghĩa là chúng ta đã giải quyết tốt mối quan hệ giữa quản lý nhà nước và quản lý truyền thống đối với việc quản lý con người ở vùng các dân tộc thiểu số.

## II. Tổ chức làng và vai trò của người già, của dòng họ trong cộng đồng làng

1. Tổ chức bản làng (vel, val) của người Vân Kiều ở Xuân Lộc nói riêng trên đất nước Việt Nam nói chung là một tổ chức có từ lâu đời. Đó là cộng đồng của những người có quan hệ huyết thống hay khác huyết thống cùng sinh sống làm ăn trong phạm vi đất đai nhất định. Trước kia mỗi quan hệ trong một val, vel (làng) là mỗi

quan hệ cùng huyết thống. Lúc bấy giờ mỗi đơn vị cư trú làng (val, vel) của người Vân Kiều chỉ bao gồm những người cùng một dòng máu. Họ vừa là thành viên của dòng họ (mu) vừa là thành viên của bản làng (val, vel). Thông thường lúc này trong một làng chỉ có một dòng họ tụ cư. Về sau này do nhiều nguyên nhân tác động, công xã thị tộc đã từng bước tan rã, thay thế vào đó là công xã láng giềng. Một val, vel bây giờ ít nhất cũng có hai dòng họ cùng tồn tại. Trong một val, vel bên cạnh quan hệ huyết thống (cùng dòng họ) đã xuất hiện quan hệ láng giềng (khác dòng họ). Càng về sau này số lượng các dòng họ trong một val, vel càng tăng lên (có làng đông lên tới trên 10 dòng họ). Hiện nay bản Vân Kiều ở xã Xuân Lộc có các dòng họ sau đây cùng tụ cư

- MuRalu
- MuXôm
- MuXômLo
- MuXômLung

Các dòng họ đó bao gồm những tiểu gia đình phụ quyền của những anh em con chú con bác cư trú gần sát bên nhau, hình thành nên các nhóm gia đình của dòng họ. Ví dụ: Nhóm gia đình của ông Hồ Biên gồm có gia đình anh ông Hồ Biên (Hồ Tường), ông Hồ Biên, Hồ Luật, Hồ Hình.

Nhóm gia đình ông Hồ Phai gồm có gia đình ông Hồ Phân, Hồ Văn. Những gia đình (đưng) đó cùng với các mu (dòng họ) là những tế bào tạo nên bản làng (val, vel). Vào những thời kỳ trước đây người Vân Kiều chỉ biết đến tổ chức xã hội truyền thống val, vel. Đối với họ val, vel (làng, bản) là tổ chức xã hội cơ bản, duy nhất. Có thể nói đã là một thời trong ý thức của người Vân Kiều hình như không biết đến các đơn vị hành chính lớn hơn hay nhỏ hơn val (làng, bản).

2. Như thế đơn vị xã hội cơ bản, duy nhất của người Vân Kiều là đơn vị làng (val, vel). Val, vel là một đơn vị tổ chức xã hội. Điều hành đơn vị tự quản ấy có một bộ máy riêng do cộng đồng suy tôn lên. Bộ máy tự quản làng bao gồm:

- Chủ làng (xuất vel).
- Các thành viên giúp việc cho chủ làng ( thủ lĩnh quân sự, người hành nghề tôn giáo).
- Và những người già trong làng (chủ các gia đình, chủ các dòng họ).

Đối với người Vân Kiều, những người đàn ông già trong làng có uy tín rất cao. Xuất phát từ nền tảng kinh tế nông nghiệp nương rẫy, với việc điều hành sản xuất, xã hội chủ yếu dựa vào kinh nghiệm nên những người già cả thường đồng nghĩa với sự am hiểu sâu rộng về làm ăn, về tập tục, về thế giới bên ngoài... Chính vì lẽ đó việc kính trọng người già đến mức sùng bái dường như đã ăn sâu vào tiềm thức của người Vân Kiều. Người Vân Kiều khi trong làng xảy ra các vụ rắc rối (đánh nhau, tranh chấp đất đai, gia đình lủng củng, bất hoà...), các sự kiện vui mừng (sinh con, đám cưới, được mùa...) hay các sự kiện hệ trọng (dời làng, sản xuất) đều có sự can thiệp và chịu sự quyết định của "Hội đồng già làng". Trong "Hội đồng già làng" người chủ làng (xuất vel) có một vị trí hết sức quan trọng. Người chủ đôi khi cũng là chủ đất (xuất cu tẹ). Người chủ làng là người lãnh đạo chung, có chức năng thường

trực, đại diện cho cộng đồng làng giải quyết công tác đối nội, đối ngoại và chịu trách nhiệm về sự hưng vong của làng. Chủ làng có quyền uy lớn như vậy nhưng hơn hết ông là người lao động và là người lao động giỏi. Bởi vậy ông đã quy tụ gây được lòng tin tưởng đối với mọi người dân trong làng, đã làm được những việc như giải quyết xung đột, thực hiện định cư, quy tã cải chính những người lầm lỗi, duy trì cuộc sống yên ổn của bản làng..., mà với chức năng chính quyền đôi khi lại rơi vào tình thế khó khăn và lúng túng, khó có thể giải quyết êm đẹp.

3. Từ những phân tích trên cho thấy cách thức quản lý con người phù hợp đối với người dân Vân Kiều nói riêng, đối với đồng bào dân tộc ít người ở Thừa Thiên Huế nói chung là quản lý theo mô hình làng (val, vel). Trong các làng đó, việc bố trí sắp xếp các hộ gia đình gần gũi nhau theo các dòng họ là hết sức cần thiết. Hiện nay trong nội bộ cư dân Vân Kiều ở xã Xuân Lộc đang xảy ra hiện tượng:

- Một số hộ gia đình chuyển cư đến nơi khác hoặc quay về quê hương cũ (gia đình Hồ Phúc, Hồ Xư, Hồ La Vươn, Hồ Sắc với lý do xích mích hay cảm thấy cô đơn).

- Một số hộ gia đình khác (Hồ Hà, Hồ Quyét, Hồ Tâm) thuyên chuyển chỗ ở trong phạm vi bản làng (vì đất đai nơi ở cũ đã khai thác hết). Trong lúc đó chính quyền xã có định hướng đưa dân ra gần sát các trục đường lớn, quy tụ vào một số điểm chính vì thế việc lưu ý đến các đặc điểm truyền thống trong cư trú, trong tổ chức xã hội của người Vân Kiều lại càng phải được chú ý. Hơn thế nữa trong khi kiện toàn bộ máy cơ sở cần chú ý đúng mức tới tỷ lệ người già tham gia vào bộ máy, nhất là phải hỏi ý kiến họ trong lúc điều hành, quản lý con người và sản xuất. Có thể nói nếu tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của người già, thì công việc quản lý sẽ thu được nhiều kết quả.

### III. Vai trò của luật tục trong đời sống cộng đồng

Đối với người Vân Kiều, luật tục có vị trí hết sức quan trọng trong việc đảm bảo và duy trì thế bền vững của cộng đồng làng. Cố nhiên không có chữ viết nên luật tục của người Vân Kiều là thứ luật tục truyền miệng, được lưu giữ từ thế hệ này qua thế hệ khác thông qua trí nhớ của người dân. Các già làng ở bản Vân Kiều xã Xuân Lộc cho chúng tôi biết nội dung của luật tục (hay tập quán pháp) bao gồm những vấn đề sau:

- *Thứ nhất:* Những quy định nhằm đảm bảo nghĩa vụ đối với nhà nước. Thời kỳ trước kia những quy ước ước đối với nhà nước không nhiều (chỉ bao gồm một số khoản thuế bằng hiện vật nhất định).

- *Thứ hai:* Những tập quán pháp đối với cộng đồng làng bản. Hệ thống những quy định này thể hiện trên hai phương diện đối nội và đối ngoại. Quy định đối ngoại là những quy định về việc kết nghĩa hai hay nhiều làng với nhau, quy định về ranh giới, về chống đối nhau hay trả thù... Những quy định đối nội là những quy định về việc tham gia xây dựng sửa sang làng bản, những quy định về việc sở hữu đất đai, tài sản công cộng, quy ước đời làng hay lập làng mới...

- *Thứ ba:* Nhiều hơn hết là những tập quán pháp trong sinh hoạt văn hoá làng, trong các ứng xử xã hội, ma chay, cưới xin, là những hình thức thưởng phạt đối với các thành viên cộng đồng, là những quy định trong giao tiếp, ứng xử (kính trọng

người già, thương yêu trẻ nhỏ, người mồ côi, người tàn tật, giúp đỡ đoàn kết trong sản xuất, trong hoạn nạn, vợ chồng chung thủy...).

Với những nội dung trên đây, luật tục của người Vân Kiều giữ được vị trí rất quan trọng trong đời sống cộng đồng. Đó chính là những chuẩn giá trị, chuẩn đạo đức mà người Vân Kiều thực hiện thừa nhận. Thông qua người chủ làng, những quy định không được ghi thành văn bản đó trở nên có sức sống mãnh liệt và là công cụ để điều chỉnh các mối quan hệ trong cộng đồng làng, góp phần giữ thế cân bằng, ổn định của tộc người. Nói một cách khác, việc quản lý con người miền núi bằng luật tục có những điểm lợi sau đây:

- *Một là*: Luật tục dựa trên các nguyên tắc đạo đức truyền thống, được hình thành từ rất sớm dường như trở thành máu thịt đối với người dân. Chính vì thế luật tục có hiệu lực thực tế và tính tự giác thực hiện rất cao.

- *Hai là*: Bằng vào việc áp dụng chế độ xử phạt trực tiếp đối với cá nhân vi phạm có sự tham gia của toàn thể cộng đồng nên tác dụng cảm hoá hay ngăn chặn rất lớn đối với các vụ vi phạm.

- *Ba là*: Với tư cách tổ chức xử lý các vụ việc vi phạm thông qua chủ làng cùng "Hội đồng già làng" mà không phải qua cửa này, chờ ý kiến chỉ đạo nọ nên rất kịp thời, nhanh gọn, tạo nên niềm tin trong cộng đồng.

#### IV. Kết hợp với luật lệ

Luật lệ truyền thống cùng sức ép dư luận xã hội là những nhân tố tạo nên thế cân bằng, ổn định trong việc quản lý hệ sinh thái nhân văn ở vùng người Vân Kiều ở xã Xuân Lộc.

1. Mô thức quản lý nhà nước. Làng là mô thức quản lý chung của mọi thời kỳ lịch sử. Nhà nước Việt nam từ trước tới nay không trực tiếp quản lý từng cá nhân một mà thông qua "cầu nối" là tổ chức làng xã để quản lý con người. Như vậy mối quan hệ giữa Nhà nước và làng xã là mối quan hệ gắn bó, nhưng không đơn giản, một chiều. "Làng là một thực thể vừa là đối tác, vừa là đối trọng với Nhà nước, vừa mang tính hướng tâm, vừa mang tính ly tâm" (1). Thực tế cho thấy làng xã vừa tuân phục, vừa muốn tự trị đối với Nhà nước. Còn xu hướng chung của mọi Nhà nước là muốn nắm chặt lấy làng xã. Những ý muốn đó do nhiều nguyên nhân tác động, nên nhiều khi đã không được thực hiện. Có điều dù là đối trọng, ly tâm hay hướng tâm hợp tác thì giữa Nhà nước và làng xã Việt Nam bao giờ cũng vươn tới cái chung của sự thống nhất. Chính vì thế giữa Nhà nước và làng xã trong thế ứng xử thường nhân nhượng nhau để đi tới một sự thoả thuận, cân bằng nhằm đảm bảo cho sự tồn tại bền vững.

2. Thực tế ở bản Vân Kiều xã Xuân Lộc cho thấy quy mô quản lý trên vùng các dân tộc thiểu số vừa tầm và thích hợp là quy mô bản làng. Còn biện pháp quản lý con người có hiệu quả là quản lý bằng kết hợp giữa luật (luật pháp nhà nước) và lệ (tập quán địa phương, tộc người). Hoàn toàn không nên tách rời hay chỉ nói đến luật nước mà quên đi lệ làng. Cũng như tránh tư tưởng chỉ biết đến lệ làng "phép vua thua lệ làng" mà xem nhẹ luật nước. Theo chúng tôi, cách thức kết hợp tốt nhất

giữa luật và lệ thành luật lệ là phải biến phép nước thành lệ làng hay điều chỉnh lệ làng theo phép nước. Tuy vậy đối với vùng đồng bào các dân tộc thiểu số do:

- *Thứ nhất*: Xuất phát từ nền tảng xã hội chỉ đơn thuần là hoạt động nông nghiệp nương rẫy tự cung tự cấp, giao thông đi lại khó khăn, giao lưu văn hoá ít có điều kiện phát triển, mặt bằng dân trí thấp, tỉ lệ mù chữ cao...

- *Thứ hai*: Xét cho cùng trong các nội dung của tập quán pháp địa phương tộc người chưa có một nội dung nào chống đối lại phép nước (luật nước) một cách quyết liệt, hay đi ngược lại quyền lợi của người dân...

Chính vì thế, phương sách thích hợp, tối ưu của việc quản lý con người vùng các dân tộc thiểu số là quan tâm đúng mức đến tập quán pháp, tộc người. Thực tế của bản Vân Kiều cho thấy: những người dân ở đây bao lâu nay nói chung thường chỉ thông hiểu các tập quán pháp địa phương, tộc người. Còn luật pháp của Nhà nước dường như quá cao xa và không phải dành riêng cho họ. Đứng trước thực trạng đó, yêu cầu đặt ra hiện nay là phải giáo dục pháp luật, khéo léo đưa luật nước vào lệ làng, phải cụ thể hoá luật nước bằng lệ trong quá trình thực hiện.

3. Như vậy kiểu quản lý xã hội thông qua lệ làng, thông qua đạo đức truyền thống, thông qua sức ép của dư luận quần chúng..., trong vùng người Vân Kiều nói riêng, trong vùng các dân tộc thiểu số nói chung là kiểu quản lý đã có từ lâu đời, tồn tại cùng với sự tồn tại và phát triển của các tộc người. Qua thời gian quản lý theo kiểu này đã tỏ rõ tính hiệu quả của nó, giúp cho các tộc người đứng vững trước những biến động, thăng trầm của lịch sử. Tuy nhiên, cơ chế quản lý xã hội nào thường có những mặt trái, mặt tiêu cực của nó. Cách thức quản lý hệ sinh thái nhân văn ở người Vân Kiều (rộng ra là ở vùng các dân tộc thiểu số) như đã nói ở trên bên cạnh những mặt tích cực, cũng bộc lộ những mặt hạn chế như tính cục bộ địa phương, nặng về tình cảm và nhất là thường dựa chủ yếu vào kinh nghiệm của người già. Chúng ta biết rằng chủ nghĩa kinh nghiệm, với sự sùng bái một cách thái quá những người già trong các cư dân vùng núi đã góp phần tạo nên thói tự ti, mặc cảm, hạn chế khả năng sáng tạo, vươn lên của lớp trẻ... Công cuộc đổi mới, xây dựng cuộc sống ấm no hiện nay đặt ra nhiệm vụ cho chúng ta là phải kế thừa, chất lọc những tinh hoa của quá khứ, kết hợp những yêu cầu thời đại, giải quyết tốt mối liên quan biện chứng giữa truyền thống và hiện đại trong việc quản lý con người.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Phan Đại Doãn, Nguyễn Quang Ngọc, *Kinh nghiệm tổ chức quản lý nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, NXB CTQG, Hà Nội, 1994.
2. Phan Đại Doãn, Nguyễn Trí Đình, *Tìm hiểu kinh nghiệm tổ chức quản lý nông thôn ở một số khu vực Đông Á và Đông Nam Á*, NXB CTQG, Hà Nội, 1995.
3. Nguyễn Xuân Hồng, Chương *Dân tộc Vân Kiều* trong cuốn *các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên*, NXB Thuận Hoá, Huế, 1984.